

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 22 – 8 – 2022

V/v Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu H.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết và Ông Nguyễn Xuân Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Vân A – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thanh H1, sinh năm 1983;

Nơi thường trú: Tổ 2, khu 7A, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi ở hiện tại: Tổ 19A, khu 3, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1976

Nơi thường trú: Tổ 2, khu 7A, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi ở hiện tại: Tổ 19A, khu 3, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt hợp lệ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Phạm Xuân T có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 12 năm 2005 tại UBND phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc . Trước khi kết hôn cả hai có

thời gian tìm hiểu nhau một năm, chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đi sớm về muộn thậm chí có nhiều hôm không về nhà, không quan tâm gia đình, con cái khiến cho tình cảm vợ chồng sút mẻ. Chị H đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên nhưng anh đều không để ý, sống với thái độ bất mãn với gia đình. Hiện tại anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà thăm con, không quan tâm gì đến chị. Vì vậy chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đến nay chị H nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể khắc phục để chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Xuân T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Phạm Xuân T có 01 con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 31/8/2007. Chị H đề nghị nếu ly hôn chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T pH cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vấn đề vay nợ chung: Chị H và anh T không vay nợ chung của cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Phạm Xuân T đã được Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án, anh T đã biết được thông tin nhưng không đến Tòa án làm việc. Sau đó, Tòa án đã nhiều lần gửi Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời chị H có quan điểm xin từ chối hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Con chung Phạm Mai L có lời khai thể hiện: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa...., anh T đã biết được thông tin nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có thiện chí hợp tác để cải thiện quan hệ hôn nhân của vợ chồng.

Ngày 08/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác minh tại tổ 19A, khu 3, phường K, thành phố Hạ Long; là nơi chị H và anh T sinh sống sau khi kết hôn và được tổ dân khu phố cung cấp thông tin như sau: chị H và anh T là vợ chồng và hiện tại đang sinh sống tại tổ dân. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã tuy nhiên cụ thể nguyên nhân thì tổ dân không được biết và tổ dân khu phố chưa tiến hành hòa giải bao giờ. Hiện tại anh T

đi làm xa nhà nhưng thỉnh thoảng anh T vẫn về nhà để thăm gia đình, con cái. Về vấn đề con chung thì anh T và chị H có 01 người con chung và hiện tại đang sống cùng chị H tại tổ dân. Nay chị H có đơn xin ly hôn quan điểm đại diện tổ dân khu phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác minh tại tổ 2, khu 7A, phường A, thành phố Hạ Long; là nơi chị H và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và được tổ dân khu phố cung cấp thông tin như sau: Chị H và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, khu 7A, phường A, thành phố Hạ Long (là nhà bố mẹ đẻ của chị H). Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị không sinh sống tại đây mà chuyển về nhà riêng ở tại tổ 19A, khu 3, phường K, thành phố H. Vì vậy tổ dân khu phố không biết về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thanh H1 và anh Phạm Xuân T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị H và anh T quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 31/8/2007. Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà thăm con, chị là người trực tiếp chăm sóc con chung. Do vậy yêu cầu của chị H hoàn toàn phù hợp không trái đạo đức, pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về vấn đề vay nợ chung: Chị H và anh T không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Thanh H1 và anh Phạm Xuân T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, khu 7A, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và nơi ở hiện tại: tổ 19A, khu 3, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H1 có mặt, bị đơn anh Phạm Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự cùng những tài liệu chứng cứ có trong vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ quá trình giải quyết và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Phạm Thị Thanh H1 và anh Phạm Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự do và tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xung khắc bất hòa, luôn xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau. Chị H và anh T đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh T hiện tại đã đi làm ăn ở xa thỉnh thoảng mới về nhà. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung đã không tồn tại nên chị H đề nghị xin được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin từ chối hòa giải vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và không thể hàn gắn tình cảm mà trở lại chung sống với nhau được nữa. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần và đã biết thông tin vụ án nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, thể hiện thái độ không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và không tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để hàn gắn cuộc sống chung. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H1.

Mặt khác, tổ dân khu phố cũng xác nhận thông tin vợ chồng chị H và anh T trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn, đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Từ những chứng cứ nêu trên đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H1.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 31/8/2007.

Chị H có quan điểm muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện tại con chung đang ở với chị H và được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có nơi ở, công việc ổn định, cháu Liên là con gái lại có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ chăm sóc cháu. Hơn nữa hiện tại anh T đi làm ở xa thỉnh thoảng mới về nhà nên anh T không có thời gian chăm sóc con chung. Vì vậy căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung, cần thiết giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp theo khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thanh H1 đề nghị tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về vấn đề vay nợ chung: Chị H và anh T không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh H1 pH chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H1 được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh H1 và anh Phạm Xuân T có 01 con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 31/8/2007.

Giao con chung Phạm Mai L cho chị Phạm Thị Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Xuân T không pH cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh H1 pH nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự. Được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000593 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS Tp H;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu H

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

